

Số: 2262/QĐ-BVĐHYD

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu
Cung cấp bổ sung vật tư y tế tiêu hao chuyên khoa răng hàm mặt
năm 2021 (lần 1)**

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định 3639/2000/QĐ-BYT ngày 18 tháng 10 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc thành lập Bệnh viện Đại học Y Dược TP HCM;

Căn cứ Quyết định số 727/QĐ-BYT ngày 15 tháng 3 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Bệnh viện Đại học Y Dược TP HCM;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 2214/QĐ-BVĐHYD ngày 23 tháng 9 năm 2021 của Giám đốc Bệnh viện Đại học Y Dược TP HCM về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp bổ sung vật tư y tế tiêu hao chuyên khoa răng hàm mặt năm 2021 (lần 1);

Theo đề nghị của Tổ Chuyên gia tại Tờ trình số 02/TTr-TCG ngày 01 tháng 10 năm 2021 về việc đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp bổ sung vật tư y tế tiêu hao chuyên khoa răng hàm mặt năm 2021 (lần 1) và Báo cáo thẩm định số 02/BCTĐ-TTĐ ngày 01 tháng 10 năm 2021 của Tổ Thẩm định về việc thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp bổ sung vật tư y tế tiêu hao chuyên khoa răng hàm mặt năm 2021 (lần 1).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp bổ sung vật tư y tế tiêu hao chuyên khoa răng hàm mặt năm 2021 (lần 1) với các nội dung sau:

- Nhà thầu trúng thầu: 07 nhà thầu;
- Giá trúng thầu: 1.193.682.968 VND (*Bằng chữ: Một tỷ, một trăm chín mươi ba triệu, sáu trăm tám mươi hai nghìn, chín trăm sáu mươi tám đồng*)
Giá trên đã bao gồm thuế, phí và các chi phí có liên quan.
- Danh sách nhà thầu trúng thầu:

STT	Mã HSDX	Tên nhà thầu trúng thầu	Số danh mục	Giá trị trúng thầu (VND)
1	1	Công ty Cổ phần Nguyễn Việt Tiên	43	723.560.000

chu

STT	Mã HSDX	Tên nhà thầu trúng thầu	Số danh mục	Giá trị trúng thầu (VND)
2	2	Công ty TNHH Thiết bị y tế Liên Nha	4	74.220.000
3	3	Công ty TNHH Y Nha khoa 3D	4	60.260.000
4	4	Công ty TNHH TBYT Thiên Y	2	47.400.000
5	5	Công ty TNHH Trang thiết bị Nha Khoa	6	53.333.000
6	6	Công ty TNHH Dược Phẩm Tuyết Hải	4	29.894.968
7	7	LD Công ty TNHH Y Nha khoa 3D - Công ty TNHH TM DV Tân Việt Mỹ	7	205.015.000
Tổng cộng			70	1.193.682.968
<i>Bằng chữ: Một tỷ, một trăm chín mươi ba triệu, sáu trăm tám mươi hai nghìn, chín trăm sáu mươi tám đồng</i>				

Danh mục trúng thầu chi tiết đính kèm;

- Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói;
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 08 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực;
- Nguồn vốn: Nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 2. Phòng Vật tư thiết bị chịu trách nhiệm hoàn thiện hợp đồng đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Ông (Bà) Trưởng các Phòng chức năng và các phòng chức năng có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, VTTB (J06-026-nnminh) (8).

GIÁM ĐỐC



(Signature)

Nguyễn Hoàng Bắc

(Handwritten mark)

PHỤ LỤC: DANH SÁCH NHÀ THẦU VÀ SẢN PHẨM TRÚNG THẦU

(Đính kèm Quyết định số 2262/QĐ-BVĐHYD ngày 01/10/2021)

Nhà thầu: Công ty Cổ phần Nguyễn Việt Tiên (Mã HSDX: 1)

STT	Stt theo nhà thầu	Stt theo HSYC	Tên hàng	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Mã hàng/ chứng loại	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu (nếu có)	Nước chủ sở hữu nếu có	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)	Phân nhóm theo Thông tư 14/2020/TT-BYT
1	1	7	Hàm nhựa thay thế cho răng thật phủ ngoài khung sườn trên 4 trụ implant	Thanh bar all on four	-	Việt Tiên	Việt Nam	Việt Tiên	Việt Nam	gói/ cái	Cái	2	7.000.000	14.000.000	Không phân nhóm
2	2	8	Hàm nhựa thay thế cho răng thật, phủ ngoài khung sườn trên 1 trụ implant	Thanh bar (cad cam)	-	Việt Tiên	Việt Nam	Việt Tiên	Việt Nam	gói/ cái	Cái	2	15.000.000	30.000.000	Không phân nhóm
3	3	9	Răng sứ thay thế cho răng mất trên trụ cấy ghép chân răng (implant), bao gồm khung sườn titan và phủ sứ bên ngoài	Sứ Titan/Implant	-	Việt Tiên	Việt Nam	Việt Tiên	Việt Nam	Gói/ Cái	cái	19	545.000	10.355.000	Không phân nhóm
4	4	10	Răng sứ thay thế cho răng mất trên trụ cấy ghép chân răng (implant), bao gồm khung sườn Zirconia và phủ sứ bên ngoài	Sứ Zirconia/Implant	-	Việt Tiên	Việt Nam	Việt Tiên	Việt Nam	Gói/ Cái	cái	19	1.300.000	24.700.000	Không phân nhóm
5	5	11	Răng sứ thay thế cho răng mất trên trụ cấy ghép chân răng (implant), bao gồm khung sườn Cercon HT và phủ sứ bên ngoài	Sứ Cercon HT/Implant	-	Việt Tiên	Việt Nam	Việt Tiên	Việt Nam	Gói/ Cái	cái	19	1.500.000	28.500.000	Không phân nhóm
6	6	12	Răng sứ dùng để thay thế răng thật bị mất trên cung hàm hoặc phục hình răng hư tổn, chất liệu Titan, đúc thành khối cầu /mão và phủ sứ men bên ngoài	Sứ titan	-	Việt Tiên	Việt Nam	Việt Tiên	Việt Nam	Gói/ Cái	cái	154	340.000	52.360.000	Không phân nhóm

STT	Stt theo nhà thầu	Stt theo HSYC	Tên hàng	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Mã hàng/ chủng loại	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu (nếu có)	Nước chủ sở hữu nếu có	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)	Phân nhóm theo Thông tư 14/2020/TT-BYT
7	7	13	Răng sứ dùng để thay thế răng thật bị mất trên cung hàm hoặc phục hình răng hư tổn, chất liệu Zirconia một phần hoặc nguyên khối cầu /mão và phủ sứ men bên ngoài	Sứ zirconia HT	-	Việt Tiên	Việt Nam	Việt Tiên	Việt Nam	Gói/ Cái	cái	90	1.000.000	90.000.000	Không phân nhóm
8	8	14	Răng sứ dùng để thay thế răng thật bị mất trên cung hàm hoặc phục hình răng hư tổn, chất liệu sứ Zirconia toàn bộ	Full Zirconia	-	Việt Tiên	Việt Nam	Việt Tiên	Việt Nam	Gói/ Cái	cái	19	1.000.000	19.000.000	Không phân nhóm
9	9	15	Răng sứ dùng để thay thế răng thật bị mất trên cung hàm hoặc phục hình răng hư tổn, chất liệu Zirconium dioxit và phủ sứ men bên ngoài	Sứ cercon HT	-	Việt Tiên	Việt Nam	Việt Tiên	Việt Nam	Gói/ Cái	cái	90	1.400.000	126.000.000	Không phân nhóm
10	10	16	Răng sứ dùng để thay thế răng thật bị mất trên cung hàm hoặc phục hình răng hư tổn, chất, cấu tạo gồm khung sườn kim loại và lớp sứ men phủ bên ngoài.	Sứ kim loại	-	Việt Tiên	Việt Nam	Việt Tiên	Việt Nam	Gói/ Cái	cái	90	220.000	19.800.000	Không phân nhóm
11	11	17	Răng kim loại	Mão kim loại	-	Việt Tiên	Việt Nam	Việt Tiên	Việt Nam	Gói/ Cái	cái	1	100.000	100.000	Không phân nhóm
12	12	18	Răng nhựa (I)	R Việt Nam	-	Việt Tiên	Việt Nam	Việt Tiên	Việt Nam	Gói/ Cái	cái	309	40.000	12.360.000	Không phân nhóm
13	13	19	Răng nhựa (II)	R Mỹ	-	Việt Tiên	Việt Nam	Việt Tiên	Việt Nam	Gói/ Cái	cái	12	60.000	720.000	Không phân nhóm
14	14	20	Răng nhựa (III)	R justy (R Nhật)	-	Việt Tiên	Việt Nam	Việt Tiên	Việt Nam	Gói/ Cái	cái	941	60.000	56.460.000	Không phân nhóm

STT	Stt theo nhà thầu	Stt theo HSYC	Tên hàng	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Mã hàng/ chứng loại	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu (nếu có)	Nước chủ sở hữu nếu có	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)	Phân nhóm theo Thông tư 14/2020/TT-BYT
15	15	21	Răng nhựa	R composite	-	Việt Tiên	Việt Nam	Việt Tiên	Việt Nam	Gói/ Cái	cái	64	130.000	8.320.000	Không phân nhóm
16	16	22	Miếng trám sứ	Inlay - onlay sứ zirconia	-	Việt Tiên	Việt Nam	Việt Tiên	Việt Nam	Gói/ Cái	cái	2	1.000.000	2.000.000	Không phân nhóm
17	17	23	Hàm khung kim loại	Hàm khung kim loại I	-	Việt Tiên	Việt Nam	Việt Tiên	Việt Nam	Gói/ Cái	cái	45	420.000	18.900.000	Không phân nhóm
18	18	24	Hàm khung titan	Hàm khung titan	-	Việt Tiên	Việt Nam	Việt Tiên	Việt Nam	Gói/ Cái	cái	6	750.000	4.500.000	Không phân nhóm
19	19	25	Hàm khung liên kết	Hàm khung LK	-	Việt Tiên	Việt Nam	Việt Tiên	Việt Nam	Gói/ Cái	cái	2	800.000	1.600.000	Không phân nhóm
20	20	26	Mắc cài đơn	Mắc cài đơn	-	Việt Tiên	Việt Nam	Việt Tiên	Việt Nam	Gói/ Cái	cái	6	400.000	2.400.000	Không phân nhóm
21	21	27	Vật liệu kết nối giữa hàm khung liên kết và răng giả trên khung	Ron mắc cài đơn	-	Việt Tiên	Việt Nam	Việt Tiên	Việt Nam	Gói/ Cái	cái	1	200.000	200.000	Không phân nhóm
22	22	28	Mặt dán sứ	Mặt dán Emax	-	Việt Tiên	Việt Nam	Việt Tiên	Việt Nam	Gói/ Cái	cái	10	1.400.000	14.000.000	Không phân nhóm
23	23	29	Hàm nhựa dẻo (loại 1/2 hàm)	Bán hàm nhựa dẻo	-	Việt Tiên	Việt Nam	Việt Tiên	Việt Nam	Gói/ Cái	cái	2	300.000	600.000	Không phân nhóm
24	24	30	Hàm nhựa dẻo	Hàm nhựa dẻo	-	Việt Tiên	Việt Nam	Việt Tiên	Việt Nam	Gói/ Cái	cái	1	600.000	600.000	Không phân nhóm
25	25	31	Máng tẩy nhựa mềm	Máng tẩy nhựa mềm	-	Việt Tiên	Việt Nam	Việt Tiên	Việt Nam	Gói/ Cái	cái	64	60.000	3.840.000	Không phân nhóm
26	26	32	Máng tẩy nhựa cứng	Máng tẩy nhựa cứng	-	Việt Tiên	Việt Nam	Việt Tiên	Việt Nam	Gói/ Cái	cái	3	40.000	120.000	Không phân nhóm
27	27	33	Máng nhai điều trị loạn năng khớp thái dương hàm (máng cứng)	Máng nhai điều trị loạn năng KTDH (Máng cứng)	-	Việt Tiên	Việt Nam	Việt Tiên	Việt Nam	Gói/ Cái	cái	129	350.000	45.150.000	Không phân nhóm

STT	Stt theo nhà thầu	Stt theo HSYC	Tên hàng	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Mã hàng/ chủng loại	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu (nếu có)	Nước chủ sở hữu nếu có	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)	Phân nhóm theo Thông tư 14/2020/TT-BYT
28	28	34	Máng nhai điều trị loạn năng khớp thái dương hàm (máng mềm)	Máng nhai điều trị loạn năng KTDH (Máng mềm)	-	Việt Tiên	Việt Nam	Việt Tiên	Việt Nam	Gói/ Cái	cái	30	450.000	13.500.000	Không phân nhóm
29	29	35	Đệm hàm cứng	Đệm hàm cứng	-	Việt Tiên	Việt Nam	Việt Tiên	Việt Nam	Gói/ Cái	cái	3	120.000	360.000	Không phân nhóm
30	30	36	Lưới hàm	Lưới hàm VN	-	Việt Tiên	Việt Nam	Việt Tiên	Việt Nam	Gói/ Cái	cái	2	90.000	180.000	Không phân nhóm
31	31	37	Khay cá nhân	Khay cá nhân	-	Việt Tiên	Việt Nam	Việt Tiên	Việt Nam	Gói/ Cái	cái	15	50.000	750.000	Không phân nhóm
32	32	38	Cùi giả	Cùi giả (Cùi chốt đúc kim loại)	-	Việt Tiên	Việt Nam	Việt Tiên	Việt Nam	Gói/ Cái	cái	25	65.000	1.625.000	Không phân nhóm
33	33	39	Khí cụ cố định 1,2 hàm	Cung Nance hoặc cung TPA (Bộ giữ khoảng 2 bên, Khí cụ cố định 1,2 hàm ...)	-	Việt Tiên	Việt Nam	Việt Tiên	Việt Nam	Gói/ Cái	cái	10	550.000	5.500.000	Không phân nhóm
34	34	40	Cung lưỡi (Hàm dưới)	Cung lưỡi (Hàm dưới) (Bộ giữ khoảng 2 bên, Khí cụ cố định 1,2 hàm...)	-	Việt Tiên	Việt Nam	Việt Tiên	Việt Nam	Gói/ Cái	cái	2	780.000	1.560.000	Không phân nhóm
35	35	41	Khí cụ cố định	Quad Helix (Khí cụ cố định)	-	Việt Tiên	Việt Nam	Việt Tiên	Việt Nam	Gói/ Cái	cái	16	840.000	13.440.000	Không phân nhóm
36	36	42	Hàm (máng, cung) duy trì thường dán mặt lưỡi sử dụng cho thủ thuật làm lại khí cụ duy trì kết quả	Hàm(máng) duy trì thường, Cung duy trì dán mặt lưỡi (Lâm lại khí cụ duy trì kết quả)	-	Việt Tiên	Việt Nam	Việt Tiên	Việt Nam	Gói/ Cái	cái	2	400.000	800.000	Không phân nhóm
37	37	43	Khí cụ và lò xo sử dụng cho thủ thuật chỉnh hình tháo lắp phức tạp 1 hàm	Khí cụ Hawley+ lò xo hoặc móc (Chỉnh hình tháo lắp phức tạp 1 hàm)	-	Việt Tiên	Việt Nam	Việt Tiên	Việt Nam	Gói/ Cái	cái	32	600.000	19.200.000	Không phân nhóm
38	38	44	Khí cụ niềng răng sử dụng cho thủ thuật chỉnh hình tháo lắp phức tạp 2 hàm nhằm kéo dài xương hàm dưới	Khí cụ Activator II (Chỉnh hình tháo lắp phức tạp 2 hàm)	-	Việt Tiên	Việt Nam	Việt Tiên	Việt Nam	Gói/ Cái	cái	1	1.020.000	1.020.000	Không phân nhóm

STT	Stt theo nhà thầu	Stt theo HSYC	Tên hàng	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Mã hàng/ chứng loại	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu (nếu có)	Nước chủ sở hữu nếu có	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)	Phân nhóm theo Thông tư 14/2020/TT-BYT
39	39	45	Khí cụ niềng răng sử dụng cho thủ thuật Chính hình tháo lắp phức tạp 2 hàm trường hợp nhổ hàm dưới	Khí cụ Activator III (Chính hình tháo lắp phức tạp 2 hàm)	-	Việt Tiên	Việt Nam	Việt Tiên	Việt Nam	Gói/ Cái	cái	2	1.300.000	2.600.000	Không phân nhóm
40	40	46	Khí cụ niềng răng sử dụng cho thủ thuật Chính hình tháo lắp phức tạp 2 hàm điều trị các trường hợp lùi cằm	Khí cụ Twin block (Chính hình tháo lắp phức tạp 2 hàm)	-	Việt Tiên	Việt Nam	Việt Tiên	Việt Nam	Gói/ Cái	cái	2	1.320.000	2.640.000	Không phân nhóm
41	41	47	Khí cụ Double Are	Khí cụ Double Are (Kéo Face mask)	-	Việt Tiên	Việt Nam	Việt Tiên	Việt Nam	Gói/ Cái	cái	3	1.800.000	5.400.000	Không phân nhóm
42	42	48	Ôc nối rộng tháo lắp, khí cụ	Ôc nối rộng tháo lắp, khí cụ Hyrax (Khí cụ nong nhanh)	-	Việt Tiên	Việt Nam	Việt Tiên	Việt Nam	Gói/ Cái	cái	45	720.000	32.400.000	Không phân nhóm
43	43	49	Máng hướng dẫn phẫu thuật gọt xương hàm	Máng phẫu thuật	-	Việt Tiên	Việt Nam	Việt Tiên	Việt Nam	Gói/ Cái	cái	6	6.000.000	36.000.000	Không phân nhóm
Tổng cộng		43	sản phẩm										Giá trị:	723.560.000	

Nhà thầu: Công ty TNHH Thiết bị y tế Liên Nha (Mã HSDX: 2)

STT	Stt theo nhà thầu	Stt theo HSYC	Tên hàng	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Mã hàng/ chứng loại	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu (nếu có)	Nước chủ sở hữu nếu có	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)	Phân nhóm theo Thông tư 14/2020 /TT- BYT
44	1	50	Vật liệu trám bít các lỗ hổng trên răng, loại đặc	Solare		GC	Nhật	GC-Nhật	Nhật	ống /3g	ống	100	420.000	42.000.000	3
45	2	51	Dung dịch sát trùng ống tủy, dầu Eugenol làm giảm đau răng với oxide kẽm	Eugenol		Prevest	Ấn Độ	Prevest-Ấn Độ	Ấn Độ	Chai 30ml	ml	150	2.800	420.000	6
46	3	52	Lò xo kéo răng tạo mở khoảng trống trên cung hàm, các cỡ	TruFlex Nickel Titanium Open Coil Springs		Ortho-technology	Mỹ	Ortho-technology-Mỹ	Mỹ	ống/ 3 cái	Ống	4	660.000	2.640.000	3
47	4	53	Vật liệu gắn tạm cầu mào răng	Freegenol		GC	Nhật	GC-Nhật	Nhật	hộp 55g bột +20g nước	Hộp	36	810.000	29.160.000	3
Tổng cộng		4	sản phẩm										Giá trị:	74.220.000	

CHỖ CHỮ KÝ VÀ CHỮ ĐÓNG

Nhà thầu: Công ty TNHH Y Nha khoa 3D (Mã HSDX: 3)

STT	Stt theo nhà thầu	Stt theo HSYC	Tên hàng	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Mã hàng/ chủng loại	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu (nếu có)	Nước chủ sở hữu nếu có	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)	Phân nhóm theo Thông tư 14/2020 /TT- BYT
48	1	67	Nẹp Maxi cố định xương hàm loại 28 lỗ	Nẹp cố định MST326M28	MST326M28	Osteonic	Hàn Quốc	Osteonic	Hàn Quốc	Gói / 1 cái	Cái	5	3.150.000	15.750.000	6
49	2	68	Nẹp Maxi cố định xương hàm loại 23 lỗ	Nẹp cố định MST326M23	MST326M23	Osteonic	Hàn Quốc	Osteonic	Hàn Quốc	Gói / 1 cái	Cái	5	2.950.000	14.750.000	6
50	3	69	Nẹp Mini cố định xương hàm hình chữ X	Nẹp cố định OXC306x04	OXC306x04	Osteonic	Hàn Quốc	Osteonic	Hàn Quốc	Cái	Cái	12	1.500.000	18.000.000	6
51	4	70	Nẹp Mini cố định xương hàm hình chữ L dạng gấp	Nẹp cố định OPL208xxx, OPR208xxx	OPL208xxx, OPR208xxx	Osteonic	Hàn Quốc	Osteonic	Hàn Quốc	Gói / 1 cái	Cái	10	1.176.000	11.760.000	6
Tổng cộng		4	sản phẩm										Giá trị:	60.260.000	

Nhà thầu: Công ty TNHH TBYT Thiên Y (Mã HSDX: 4)

STT	Stt theo nhà thầu	Stt theo HSYC	Tên hàng	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Mã hàng/ chủng loại	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu (nếu có)	Nước chủ sở hữu nếu có	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)	Phân nhóm theo Thông tư 14/2020 /TT- BYT
52	1	65	Miếng vá sàn ổ mắt, dày 0.3mm, 3 cánh nẹp	Miếng vá sàn ổ mắt loại nhỏ, dày 0.3mm (Small, orbital Floor Plate, 0.3mm) (Nẹp đóng sọ hàm mắt)	01-7106	Biomet Microfixation	USA	Biomet Microfixation	Mỹ	1 cái/túi	Cái	3	7.500.000	22.500.000	3
53	2	66	Miếng vá sàn ổ mắt, dày 0.3mm, 4 cánh nẹp	Miếng vá sàn ổ mắt loại vừa, dày 0.3mm (Meditum, Orbital Floor Plate, 0.3mm) (Nẹp đóng sọ hàm mắt)	01-7107	Biomet Microfixation	USA	Biomet Microfixation	Mỹ	1 cái/túi	Cái	3	8.300.000	24.900.000	3
Tổng cộng		2	sản phẩm										Giá trị:	47.400.000	

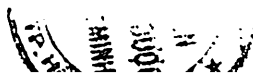
Nhà thầu: Công ty TNHH Trang thiết bị Nha Khoa (Mã HSDX: 5)

STT	Stt theo nhà thầu	Stt theo HSYC	Tên hàng	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Mã hàng/ chủng loại	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu (nếu có)	Nước chủ sở hữu nếu có	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)	Phân nhóm theo Thông tư 14/2020 /TT- BYT
54	1	1	Cao su dùng để lấy dấu răng trong phục hình, phẫu thuật nha khoa mức độ trung bình	Elite HD Light Regular	ZH-IM-C2030	Zhermack	Italy	Zhermack/Italy	Italy	Hộp/2 ống x 90ml	Hộp	7	764.000	5.348.000	1

STT	Stt theo nhà thầu	Stt theo HSYC	Tên hàng	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Mã hàng/ chủng loại	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu (nếu có)	Nước chủ sở hữu nếu có	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)	Phân nhóm theo Thông tư 14/2020/TT-BYT
55	2	2	Chỉ co nướu các cỡ	Ultrapak #0, Ultrapak #00	UP-TM-131 UP-TM-136	Ultradent	Mỹ	Ultradent /Mỹ	Mỹ	Lọ 1 cuộn (Cuộn/244 cm)	Lọ	15	435.000	6.525.000	3
56	3	3	Dụng cụ banh dùm trong chỉnh nha	Lip/Cheek retractor	PW-LO-95004 PW-LO-95005 PW-LO-95006	Peng Waves	Đài Loan	Peng Waves/Đài Loan	Đài Loan	hộp/ 2 cái	Cái	10	115.000	1.150.000	6
57	4	4	Vật liệu cầm máu nướu	Viscostat 1.2ml	UP-TM-6408	Ultradent	Mỹ	Ultradent/Mỹ	Mỹ	hộp/2 ống	Ống	4	183.000	732.000	3
58	5	5	Vật liệu lấy dấu Alginate	Tropicalgin	ZH-IM-C3022	Zhermack	Italy	Zhermack/Italy	Italy	Thùng/ 12 gói	Gói	132	189.000	24.948.000	1
59	6	6	Vật liệu tẩy trắng răng	Opalescence 20%	UP-WT-5372	Ultradent	Mỹ	Ultradent/Mỹ	Mỹ	hộp/12 ống	hộp	7	2.090.000	14.630.000	3
Tổng cộng		6	sản phẩm										Giá trị:	53.333.000	

Nhà thầu: Công ty TNHH Dược Phẩm Tuyết Hải (Mã HSDX: 6)

STT	Stt theo nhà thầu	Stt theo HSYC	Tên hàng	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Mã hàng/ chủng loại	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu (nếu có)	Nước chủ sở hữu nếu có	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)	Phân nhóm theo Thông tư 14/2020 /TT- BYT
60	1	61	Nước tự cứng	Tự cứng TBN Idopress Liquid_250ml		Union Dental S.A	Tây Ban Nha	Union Dental S.A	Union Dental S.A, Tây Ban Nha	chai /250ml	Chai	25	375.000	9.375.000	6
61	2	62	Vật liệu trám bít ống tùy dạng bột	Nội nha - Endomethasone (14g/Chai)		Septodont	Pháp	Septodont	Septodont, Pháp	lọ 14g	Gr	112	65.714	7.359.968	6
62	3	63	Dây kẽm chỉnh nha các cỡ	Dây Ormco 270-0010 (PK3)/270-0012 (PK3)		Ormco	Mexico	Ormco Corporation	Ormco Corporation, Mỹ	Hộp/ 3 cuộn	Cuộn	24	165.000	3.960.000	6



STT	Stt theo nhà thầu	Stt theo HSYC	Tên hàng	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Mã hàng/ chủng loại	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu (nếu có)	Nước chủ sở hữu (nếu có)	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)	Phân nhóm theo Thông tư 14/2020/TT-BYT
63	4	64	Vật liệu trám hoàn tất, dạng bột và nước	Cement Fuji IX GP A3/A3.5 (15gr+8gr)		GC	Nhật Bản	GC Corporation	GC Corporation, Nhật Bản	Hộp 15g+8ml	Cặp	8	1.150.000	9.200.000	6
Tổng cộng		4	sản phẩm										Giá trị:	29.894.968	

Nhà thầu: LD Công ty TNHH Y Nha khoa 3D - Công ty TNHH TM DV Tân Việt Mỹ (Mã HSDX: 7)

STT	Stt theo nhà thầu	Stt theo HSYC	Tên hàng	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Mã hàng/ chủng loại	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu (nếu có)	Nước chủ sở hữu (nếu có)	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)	Phân nhóm theo Thông tư 14/2020 /TT- BYT
64	1	54	Mũi khoan dùng trong điều trị nội nha dùng máy	Protaper SHAP/Protaper FIN	A041xxxxxx12	Dentsply Maillefer (Maillefer Instruments Holding SARL)	Thụy Sĩ	Dentsply Maillefer (Maillefer Instruments Holding SARL)	Thụy Sĩ	hộp/ 6 cây	Hộp	25	1.099.000	27.475.000	3
65	2	55	Mũi khoan dùng trong điều trị nội nha dùng tay	Protaper H-U	A041601910112 A041602110112 A041602110212 A041602510112 A041602510212	Dentsply Maillefer (Maillefer Instruments Holding SARL)	Thụy Sĩ	Dentsply Maillefer (Maillefer Instruments Holding SARL)	Thụy Sĩ	vĩ/ 6 cây	Hộp	25	1.117.000	27.925.000	3
66	3	56	Trụ phục hình cho thân trụ răng đa hướng, kết nối côn, nghiêng	Thân trụ răng đa hướng nghiêng	CM-Sxxxx CM-Wxxxx	Mis	Israel	Mis	Israel	Cái	Cái	20	2.438.000	48.760.000	6
67	4	57	Trụ phục hình cho thân trụ răng đa hướng, kết nối côn, thẳng	Thân trụ răng đa hướng thẳng	CM-Nxxxx CM-Sxxxx CM-Wxxxx	Mis	Israel	Mis	Israel	gói/cái	Cái	10	1.929.500	19.295.000	6

STT	Stt theo nhà thầu	Stt theo HSYC	Tên hàng	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Mã hàng/ chứng loại	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu (nếu có)	Nước chủ sở hữu nếu có	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)	Phân nhóm theo Thông tư 14/2020/TT-BYT
68	5	58	Bản sao chân răng cấy ghép kết nối côn	Bản sao chân răng cấy ghép kết nối côn	CN-RSM10 CS-RSM10 CW-RSM10	Mis	Israel	Mis	Israel	Cái	Cái	40	779.000	31.160.000	6
69	6	59	Mũi khoan mở tủy tránh thủng sàn	CARBIDE BUR ENDO-Z FG 21mm/25mm	E01523410000 E01523710000 0	Dentsply Maillefer (Maillefer Instruments Holding SARL)	Thụy Sĩ	Dentsply Maillefer (Maillefer Instruments Holding SARL)	Thụy Sĩ	Vi/ 5 cây	cây	150	202.000	30.300.000	3
70	7	60	Thun kéo mắc cài các cỡ	Thun kéo liên hàm các loại	404-126 404-216 404-226 404-236 404-246 404-426 404-516 404-526 404-536 404-556 404-626 404-636	3M	Mỹ	3M	Mỹ	100 thun/gói, 30 gói/Hộp	Hộp	30	670.000	20.100.000	3
Tổng cộng		7	sản phẩm										Giá trị:	205.015.000	

CHẾ NHẬN